

Bản án số: 873/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Thiên H

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Nở

Ông Trương Hồng Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2810/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989

Địa chỉ: đường s, phường B, quận T, Thành phố H(vắng mặt).

Bị đơn: Ông Tran Phong A, sinh năm 1970

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 2730 30th Avenue North Saint Petersburg FL 33713, USA (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/3/2018, bản tự khai ngày 19/4/2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Tran Phong A tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 2364, quyền số 12, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/8/2012. Sau khi kết hôn bà và ông Tran Phong A sinh sống với nhau được 01 tuần thì ông Tran Phong A quay trở về Hoa Kỳ làm việc. Thời gian đầu khi ông Tran Phong A vừa về Hoa Kỳ bà và ông Tran Phong A vẫn liên lạc với nhau thường xuyên và có bàn bạc về việc ông Tran Phong A sẽ đón bà qua Hoa Kỳ đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, sau một thời gian bà nhận thấy ông Tran Phong A

không còn muốn liên lạc với bà vì bà thường xuyên liên lạc với ông Tran Phong A nhưng không được. Cho đến tháng 01/2015 thì bà và ông Tran Phong A không còn liên lạc với nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông Tran Phong A để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H khai không có.

Bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Ông Tran Phong A được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các thủ tục tố tụng đạt triệu tập đương sự hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý sơ thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thu H khai không còn tình cảm với ông Tran Phong A, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết : Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, bị đơn ông Tran Phong A đang cư trú tại Hoa Kỳ, giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; điểm a khoản 2 Điều 38 ; Điều 464 ; Điều 465 ; điểm g khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 124 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với ông Tran Phong A theo quy định pháp luật nhưng không có kết quả và cũng không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ do ông Tran Phong A cung cấp nên căn cứ Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tran Phong A.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Tran Phong A tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2364, quyển số 12, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/8/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Tran Phong A định cư ở Hoa Kỳ. Sau khi kết hôn bà và ông Tran Phong A sinh sống với nhau được 01 tuần thì ông Tran Phong A quay trở về Hoa Kỳ làm việc. Hiện nay bà Nguyễn Thị Thu H và ông Tran Phong A không còn liên lạc với nhau cũng không quan tâm đến đời sống của nhau. Nay bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận không còn tình cảm với ông Tran Phong A nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về phía ông Tran Phong A đã được Tòa án ủy thác tư pháp thông báo yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H và ngày, giờ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được trả lời của ông Tran Phong A. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Tran Phong A không tồn tại, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn ông Tran Phong A là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 ; Điều 273; Điều 477 ; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 ; Điều 53 ; Điều 54; khoản 1 Điều 56 ; Điều 57 ; Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Tran Phong A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2364, quyền số 12, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/8/2012 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có, Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0044016 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Tran Phong A; thời hạn kháng cáo của Nguyễn Thị Thu H là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với ông Tran Phong A thời hạn kháng cáo bản án là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Thiên H**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

